

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177 /2026/DS-ST
Ngày: 31-7-2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Tuấn

Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Thế Vũ – kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 -Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 289/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1137/2026/QĐXXST-DS ngày 14/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 1146/2026/QĐST – DS ngày 22/7/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH một thành viên S VN. Địa chỉ trụ sở: Tầng 19, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô đất 1 – 13 thuộc Khu chức năng số 1 - Số 15 đường X, phường A, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông C Y Ill, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà A, sinh năm [đã mã hóa]. Có mặt.

- Bị đơn: Bà B, sinh năm [đã mã hóa]; Địa chỉ: đường M, tổ N, phường P, thành phố Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH một thành viên S VN (Sau đây gọi tắt là Công ty), quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/08/2020 Bà B có ký Hợp đồng vay số: 100351503 với Công ty tài chính TNHH một thành viên S VN vay tiền để mua đồ dùng, TTB gia đình theo hình thức trả góp hằng năm với lãi suất 29,5%/năm. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì Bà Dung có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 48 kỳ, từ kỳ thứ 2 đến kỳ thứ 47, bà B phải thanh toán cho Shinhan số tiền 2.318.269 đồng vào trước hoặc đúng ngày 16 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Tuy nhiên, sau khi Công ty giải ngân và bà B đã nhận đủ số tiền vay tiêu dùng cá nhân nhưng từ ngày 21/11/2022 đến nay, bà B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng trên và cố tình lẩn tránh, mặc dù Công ty đã nhiều lần yêu cầu bà B thanh toán, nhưng không thanh toán. Việc Bà Dung không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp đồng tín dụng số 100351503 mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết, đồng thời cũng vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi giải ngân số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 100351503 với số tiền 65.000.000 đồng, bà B đã không thanh toán cho Công ty theo như thỏa thuận nên bà B phải chịu lãi quá hạn và các khoản lãi khác do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như hợp đồng. Cụ thể: số tiền gốc còn lại mà bà B cần phải thanh toán cho Shinhan: nợ gốc 37.687.296 đồng và Lãi trong hạn: 10.996.341 đồng. Tổng cộng: 48.683.637 đồng

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị:

- Buộc Bà B phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Shinhan, số tiền tính đến ngày 31/07/2026 là 48.683.637 đồng, trong đó nợ gốc 37.687.296 đồng và lãi trong hạn: 10.996.341 đồng

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Các khoản phát sinh do nợ quá hạn phải thanh toán tạm tính các khoản phát sinh do nợ quá hạn: 38.831.572 đồng.

Ngoài ra, bà B phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty**

Ý kiến của đại diện VKSND khu vực 3 tại phiên toà: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện thì Công ty yêu cầu bị đơn bà B trả số tiền nợ vay theo Hợp đồng vay số: 100351503 với Công ty tài chính TNHH một thành viên S VN. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 BLTTDS và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền: tại thời điểm ký kết hợp đồng, bị đơn bà B có địa chỉ thường trú tại: đường M, tổ N, phường P, thành phố Q. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, tại thời điểm thụ lý, tranh chấp phát sinh giữa Công ty và bà B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

[3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên toà, bị đơn bà B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện đối với các khoản phát sinh do nợ quá hạn phải thanh toán là: 38.831.572đ. Xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 244 BLTTDS, HĐXX chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện trên.

Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với tiền nợ gốc và nợ lãi:

Giữa bà B và Công ty có ký Hợp đồng tín dụng số 100351503 với số tiền 65.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng trên được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch, qua đó để xác định bà B có quan hệ tín dụng với Công ty.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà đã trả cho Công ty nhiều lần với tổng số tiền là 62.593.263 đồng. Từ ngày 21/11/2022, bà B không thanh toán theo cam kết và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Công ty và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty nên phải chịu trách nhiệm về việc không cung cấp tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điều 94 BLTTDS

HĐXX xét thấy:

Các hợp đồng trên được ký kết đúng quy định pháp luật, lãi suất do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên, bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và thỏa thuận đã ký kết với Công ty. Công ty đã nhiều lần đôn đốc việc thanh toán nhưng bà vẫn không thực hiện nên Công ty đã chấm dứt Hợp đồng tín dụng với bà trước thời hạn là đúng quy định tại Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng

Trong quá trình giải quyết, bà B cố tình vắng mặt, không tham gia các phiên hoà giải theo Thông báo của Toà án. Tại phiên toà hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà B vẫn cố tình vắng mặt. Điều này chứng tỏ bà B không có thiện chí trả nợ đối với Công ty.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty buộc bà B có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2026 là 48.683.637 đồng, trong đó nợ gốc 37.687.296 đồng và Lãi trong hạn: 10.996.341 đồng là có cơ sở và phù hợp với

thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng, cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên HĐXX chấp nhận. Đồng thời, bà B tiếp tục chịu lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất đã ký kết

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên S VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 157, 158, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH một thành viên S VN, buộc bà B phải trả cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên S VN tổng số tiền tính đến ngày 31/7/2026 là 48.683.637 đồng, trong đó nợ gốc 37.687.296 đồng và Lãi trong hạn: 10.996.341 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu các khoản phát sinh do nợ quá hạn phải thanh toán tạm tính do nợ quá hạn: 38.831.572 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận

về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.434.181 đồng. Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên S VN số tiền tạm ứng án phí 2.187.880 đồng theo biên lai thu số 0003166 ngày 03/4/2026 của Thi hành án dân sự Đà Nẵng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 3;
- VKSND Khu vực 3;
- Lưu Hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hưng

